

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35C6 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122014300506 - D t o n c ầ ng tr ầ h H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3541010693	35C6	Nguy n Tu n Anh	30/05/1992	8.0	9.0									8.5	4.3	1.0	0.5	4.8	
2	3541010695	35C6	L ² Tr n Th B o	25/06/1993	8.0	5.0									6.5	3.3	8.0	4.0	7.3	
3	3541010697	35C6	Ho ầ V ấ	24/04/1984	7.0	5.0									6.0	3.0	0	0.0		
4	3541010698	35C6	H T t ấ c	20/12/1992	8.0	5.0									6.5	3.3	5.0	2.5	5.8	
5	3541010699	35C6	Vô Công ấ c	26/07/1993	6.0	0.0									3.0	1.5	0	0.0		
6	3541010700	35C6	Bùi Trung Hi u	27/10/1991	8.0	8.0									8.0	4.0	8.0	4.0	8.0	
7	3541010702	35C6	L ² ấ nh Hoàng	07/03/1993	7.0	6.0									6.5	3.3	9.0	4.5	7.8	
8	3541010701	35C6	Ho ầ ấ c Hòa	17/08/1990	7.0	6.0									6.5	3.3	8.0	4.0	7.3	
9	3541010704	35C6	Nguy n Qu c Huy	17/09/1993	7.0	5.0									6.0	3.0	8.0	4.0	7.0	
10	3541010705	35C6	Ph m V ấ Hu nh	13/01/1991	8.0	8.0									8.0	4.0	0	0.0		
11	3541010707	35C6	Nguy n M nh Linh	27/09/1984	8.0	8.0									8.0	4.0	0	0.0		
12	3541010708	35C6	ấ ng Th ầ h Luân	24/04/1987	0.0	0.0									0.0	0.0	0	0.0		
13	3541010709	35C6	V ^{1/2} Ng c Minh	30/09/1993	7.0	0.0									3.5	1.8	0	0.0		
14	3541010710	35C6	Nguy n S Ng c	26/04/1993	8.0	5.0									6.5	3.3	6.0	3.0	6.3	
15	3541010712	35C6	Ph m H ng Phi	16/04/1993	8.0	10.0									9.0	4.5	0	0.0		
16	3541010716	35C6	Hu nh Nguy n Anh Tu n	08/01/1988	9.0	9.0									9.0	4.5	8.0	4.0	8.5	
17	3541010719	35C6	V ^{1/2} ấ nh V ng	20/03/1993	7.0	5.0									6.0	3.0	9.0	4.5	7.5	

T ng s : 17 h c sinh sinh vĩ²n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi o Vĩ²n B M ầ n Gi o V Khoa